

2013 青少年草地滾球新秀賽**比賽賽程表****Updated on 12 Mar**

日期：2013 年 3 月 10 日 及 17 日 (星期日)

時間：上午 9 時 至 下午 9 時

報到時間：請參閱比賽規則

地點：鴨脷洲體育館二樓室內草地滾球場 (場地電話：2554 0832)

香港鴨脷洲洪聖街8號(近鴨脷洲大街)

參賽人數：50 人

賽事程序表：

首日比賽：2013 年 3 月 10 日 (初賽階段)

時 間	活 動
9:00 am – 11:30 am	初賽階段：單循環賽 A, B, C 組
11:30 am – 2:00 pm	初賽階段：單循環賽 D, E, F 組
2:00 pm – 6:10 pm	初賽階段：單循環賽 G, H, I 組
6:10 pm – 8:40 pm	初賽階段：單循環賽 J, K, L 組
8:40 pm – 9:00 pm	複賽分組抽籤

次日比賽：2013 年 3 月 17 日 (複賽及決賽階段)

9:00 am – 11:30 am	複賽階段：單循環賽 W, X, Y, Z 組
11:30 am – 1:10 pm	十六強淘汰賽
1:10 pm – 2:00 pm	半準決賽
2:00 pm – 3:00 pm	準決賽
3:00 pm – 4:00 pm	決賽
4:15 pm	頒獎典禮及參賽球員大合照

2013 青少年草地滾球新秀賽

比賽規則

- (一) 初賽之比賽時間，如有參賽者缺席，其他賽事可能會提前進行，所有參賽者必須按下表所列之時間向大會報到，並出示身份證明文件以便裁判查核。

日期	參賽組別	組別球員報到截止時間
3月10日 (星期日) (初賽)	A 組 至 C 組	8:45am
	D 組 至 F 組	11:15am
	G 組 至 I 組	1:45pm
	J 組 至 L 組	5:55 pm
3月17日 (星期日) (複賽及淘汰賽)	複賽：W 組 至 Z 組	8:45 am
	十六強淘汰賽	11:15am

- (二) 所有在開賽前十五分鐘還沒有報到的參賽者將被取消參賽資格。
- (三) 初賽、複賽、十六強及半準決賽階段：每場作賽八局或以四十分鐘為限，以先完成者為準。
準決賽及決賽階段：每場作賽十局。
- (四) 在分組賽階段的賽事，以較高得球者為勝方，勝方得2分，賽和各得1分。每組以總得分、總淨球數、總得球數及最少失球數排名次。如同組兩位球員總成績相同，則以雙方對賽時的勝方獲較高名次，賽和時以擲毫決定、勝出者獲較高名次。初賽階段每組首名位置的球員直接進入16強淘汰賽，每組次名位置的球員進入第二天的分組複賽階段。複賽階段球員分為四組，每組首名進入16強淘汰賽階段。16強淘汰賽按已擬定的排位表進行比賽。
淘汰賽階段的賽事，以較高得球者為勝方，如雙方平手則加賽一局，勝方進入下一階段。
- (五) 球員在當日首輪賽事前可在比賽球道來回各試兩球。
- (六) 比賽期間，球員在送出第三個滾球後才可往球局邊觀看。
- (七) 參賽者須穿著白色或米色運動褲、有領運動衫 / 學校體育服及無蹣平底運動鞋 (技巧鞋亦可)。
違例者有可能被取消參賽資格。
- (八) 如比賽當日開賽前2小時天文台懸掛 8 號或以上風球；或天文台發出「黑色」暴雨警告訊號，賽事則自動取消，本會將另選日期作賽。
- (九) 裁判及記分員由香港草地滾球總會派員擔任，以裁判之判決為最後決定。
- (十) 除本章程所列規則外，其他賽例概依香港草地滾球總會賽事附例及世界草地滾球總會現行之比賽規則辦理。
- (十一) 如有需要，本會有權隨時修改比賽規則及比賽安排，參加者不得異議。

查詢電話： 2504 8249 (潘先生)

香港草地滾球總會

2013 年 2 月 17 日

首日初賽球員分組名單

	A 組	B 組	C 組	D 組
1	LEUNG Hei Ching	CHOW Ho Yin	CHAN Ka Yan	TANG Winston
2	NG Ho Man	KWAN Pui Ying	LIU Ka Hei	YOUNG Chun Wing
3	NG Kwan Lok	HA Yat Kan	CHENG Sui Hung	LI Chun Yin
4	LEUNG Sze Ching	YIP Chung Hoi	WONG Ka Lok	CHAN Tsz Hong

	E 組	F 組	G 組	H 組
1	LARM Guan Yuet	TSE Tun Laam	WU Wing Tat	CHIN Sze Wing
2	HA Yat Ting	FUNG Ming Chung	LAW Yi Lam	LAU Chun Pong
3	WONG Nga Lam	CHOW Ho Long	CHENG Pui Him	HA Yat Long
4	AU-YEUNG Ka Lok	KUNG Chin Yau	LAW Chung Kan	LEUNG Hok Wai
5	----	----	----	WATT Hoi Tung

	I 組	J 組	K 組	L 組
1	CHUNG Kwong Ki	WONG Chun Kit	LEUNG Chun Hei	YIU Hok Kan
2	CHEUNG Ho Sum	PANG Sze Hang	NG Man Hei	TSOI Tsz Kin
3	TSANG Wai Chung	LUK Chun Ho	CHIE TszTung	NG Chun Sing
4	LAU Tristan	TSUI Tsz Ming	CHU Kiu Cho	TAM Alvin
5	HUI Yau Him	----	----	----

2013 年 3 月 10 日 (星期日) 初 賽 階 段 比 賽 賽 程 表

9:00 am – 9:50 am (A, B, C 組)

線道	球員	球員
1	A1 - LEUNG Hei Ching	A2 - NG Ho Man
2	A3 - NG Kwan Lok	A4 - LEUNG Sze Ching
3	B1 - CHOW Ho Yin	B2 - KWAN Pui Ying
4	B3 - HA Yat Kan	B4 - YIP Chung Hoi
5	C1 - CHAN Ka Yan	C2 - LIU Ka Hei
6	C3 - CHENG Sui Hung	C4 - WONG Ka Lok

9:50 am – 10:40 am

線道	球員	球員
1	B2 - KWAN Pui Ying	B4 - YIP Chung Hoi
2	B3 - HA Yat Kan	B1 - CHOW Ho Yin
3	C2 - LIU Ka Hei	C4 - WONG Ka Lok
4	C3 - CHENG Sui Hung	C1 - CHAN Ka Yan
5	A2 - NG Ho Man	A4 - LEUNG Sze Ching
6	A3 - NG Kwan Lok	A1 - LEUNG Hei Ching

10:40 am – 11:30 am

線道	球員	球員
1	C2 - LIU Ka Hei	C3 - CHENG Sui Hung
2	C4 - WONG Ka Lok	C1 - CHAN Ka Yan
3	A2 - NG Ho Man	A3 - NG Kwan Lok
4	A4 - LEUNG Sze Ching	A1 - LEUNG Hei Ching
5	B2 - KWAN Pui Ying	B3 - HA Yat Kan
6	B4 - YIP Chung Hoi	B1 - CHOW Ho Yin

11:30 am – 12:20 pm (D, E, F 組)

線道	球員	球員
1	D1 - TANG Winston	D2 - YOUNG Chun Wing
2	D3 - LI Chun Yin	D4 - CHAN Tsz Hong
3	E1 - LARM Guan Yuet	E2 - HA Yat Ting
4	E3 - WONG Nga Lam	E4 - AU-YEUNG Ka Lok
5	F1 - TSE Tun Laam	F2 - FUNG Ming Chung
6	F3 - CHOW Ho Long	F4 - KUNG Chin Yau

12:20 am – 1:10 pm

線道	球員	球員
1	E2 - HA Yat Ting	E4 - AU-YEUNG Ka Lok
2	E3 - WONG Nga Lam	E1 - LARM Guan Yuet
3	F2 - FUNG Ming Chung	F4 - KUNG Chin Yau
4	F3 - CHOW Ho Long	F1 - TSE Tun Laam
5	D2 - YOUNG Chun Wing	D4 - CHAN Tsz Hong
6	D3 - LI Chun Yin	D1 - TANG Winston

1:10 pm – 2:00 pm

線道	球員	球員
1	F2 - FUNG Ming Chung	F3 - CHOW Ho Long
2	F4 - KUNG Chin Yau	F1 - TSE Tun Laam
3	D2 - YOUNG Chun Wing	D3 - LI Chun Yin
4	D4 - CHAN Tsz Hong	D1 - TANG Winston
5	E2 - HA Yat Ting	E3 - WONG Nga Lam
6	E4 - AU-YEUNG Ka Lok	E1 - LARM Guan Yuet

2:00 pm – 2:50 pm (G, H, I 組)

線道	球員	球員
1	G1 - WU Wing Tat	G2 - LAW Yi Lam
2	G3 - CHENG Pui Him	G4 - LAW Chung Kan
3	H1 - CHIN Sze Wing	H2 - LAU Chun Pong
4	H3 - HA Yat Long	H5 - WATT Hoi Tung
5	I1 - CHUNG Kwong Ki	I2 - CHEUNG Ho Sum
6	I3 - TSANG Wai Chung	I5 - HUI Yau Him

2:50 pm – 3:40 pm

線道	球員	球員
1	H2 - LAU Chun Pong	H3 - HA Yat Long
2	H4 - LEUNG Hok Wai	H5 - WATT Hoi Tung
3	I2 - CHEUNG Ho Sum	I3 - TSANG Wai Chung
4	I4 - LAU Tristan	I5 - HUI Yau Him
5	G2 - LAW Yi Lam	G4 - LAW Chung Kan
6	G3 - CHENG Pui Him	G1 - WU Wing Tat

3:40 pm – 4:30 pm

線道	球員	球員
1	I2 - CHEUNG Ho Sum	I3 - TSANG Wai Chung
2	I4 - LAU Tristan	I1 - CHUNG Kwong Ki
3	G2 - LAW Yi Lam	G3 - CHENG Pui Him
4	G4 - LAW Chung Kan	G1 - WU Wing Tat
5	H1 - CHIN Sze Wing	H3 - HA Yat Long
6	H2 - LAU Chun Pong	H4 - LEUNG Hok Wai

4:30 pm – 5:20 pm

線道	球員	球員
1	H1 - CHIN Sze Wing	H4 - LEUNG Hok Wai
2	I2 - CHEUNG Ho Sum	I5 - HUI Yau Him
3	---	---
4	---	---
5	H2 - LAU Chun Pong	H5 - WATT Hoi Tung
6	I1 - CHUNG Kwong Ki	I4 - LAU Tristan

5:20 pm – 6:10 pm

線道	球員	球員
1	I1 - CHUNG Kwong Ki	I5 - HUI Yau Him
2	---	---
3	H3 - HA Yat Long	H4 - LEUNG Hok Wai
4	---	---
5	I3 - TSANG Wai Chung	I4 - LAU Tristan
6	H1 - CHIN Sze Wing	H5 - WATT Hoi Tung

6:10 pm – 7:00 pm (J, K, L 組)

線道	球員	球員
1	J1 - WONG Chun Kit	J2 - PANG Sze Hang
2	J3 - LUK Chun Ho	J4 - TSUI Tsz Ming
3	K1 - LEUNG Chun Hei	K2 - NG Man Hei
4	K3 - CHIE TszTung	K4 - CHU Kiu Cho
5	L1 - YIU Hok Kan	L2 - TSOI Tsz Kin
6	L3 - NG Chun Sing	L4 - TAM Alvin

7:00 pm – 7:50 pm

線道	球員	球員
1	K2 - NG Man Hei	K4 - CHU Kiu Cho
2	K3 - CHIE TszTung	K1 - LEUNG Chun Hei
3	L2 - TSOI Tsz Kin	L4 - TAM Alvin
4	L3 - NG Chun Sing	L1 - YIU Hok Kan
5	J2 - PANG Sze Hang	J4 - TSUI Tsz Ming
6	J3 - LUK Chun Ho	J1 - WONG Chun Kit

7:50 pm – 8:40 pm

線道	球員	球員
1	L2 - TSOI Tsz Kin	L3 - NG Chun Sing
2	L4 - TAM Alvin	L1 - YIU Hok Kan
3	J2 - PANG Sze Hang	J3 - LUK Chun Ho
4	J4 - TSUI Tsz Ming	J1 - WONG Chun Kit
5	K2 - NG Man Hei	K3 - CHIE TszTung
6	K4 - CHU Kiu Cho	K1 - LEUNG Chun Hei

2013 年 3 月 17 日 (星期日) 複 賽 階 段 球 員 分 組 表

	W 組	X 組	Y 組	Z 組
1	WU Wing Tat	TAM Alvin	WONG Chun Kit	TSANG Wai Chung
2	TSE Tun Laam	LEUNG Chun Hei	CHENG Sui Hung	HA Yat Kan
3	HA Yat Long	LI Chun Yin	LEUNG Hei Ching	WONG Nga Lam

2013 年 3 月 17 日 (星期日) 複 賽 階 段 至 決 賽 賽 程 表

複賽階段

9:00 am – 9:50 am

線道	球員	球員
1	W1 - WU Wing Tat	W2 - TSE Tun Laam
2	X1 - TAM Alvin	X2 - LEUNG Chun Hei
3	Y1 - WONG Chun Kit	Y2 - CHENG Sui Hung
4	Z1 - TSANG Wai Chung	Z2 - HA Yat Kan

9:50 am – 10:40 am

線道	球員	球員
2	W2 - TSE Tun Laam	W3 - HA Yat Long
3	X2 - LEUNG Chun Hei	X3 - LI Chun Yin
4	Y2 - CHENG Sui Hung	Y3 - LEUNG Hei Ching
5	Z2 - HA Yat Kan	Z3 - WONG Nga Lam

10:40 am – 11:30 am

線道	球員	球員
3	W3 - HA Yat Long	W1 - WU Wing Tat
4	X3 - LI Chun Yin	X1 - TAM Alvin
5	Y3 - LEUNG Hei Ching	Y1 - WONG Chun Kit
6	Z3 - WONG Nga Lam	Z1 - TSANG Wai Chung

11:30 am – 12:20 pm 十六強階段

組別	線道	球員	球員
307	3	K1 - NG Man Hei	E1 - AU-YEUNG Ka Lok
301	4	D1 - CHAN Tsz Hong	I1 - HUI Yau Him
303	5	C1 - LIU Ka Hei	G1 - LAW Chung Kan
305	6	H1 - CHIN Sze Wing	B1 - CHOW Ho Yin

12:20 pm – 1:10 pm

組別	線道	球員	球員
308	3	A1 - LEUNG Sze Ching	Z1 -
302	4	L1 - TSOI Tsz Kin	W1 -
304	5	J1 - PANG Sze Hang	X1 -
306	6	F1 - FUNG Ming Chung	Y1 -

1:10 pm – 2:00 pm 半準決賽階段

組別	線道	勝方球員	勝方球員
QF1	1	301:	302:
QF3	3	305:	306:
QF2	4	303:	304:
QF4	5	307:	308:

2:00 pm – 3:00 pm 準決賽階段

組別	線道	勝方球員	勝方球員
SF1	1	QF3:	QF4:
SF2	3	QF1:	QF2:

3:00 pm – 4:00 pm 決賽階段

組別	線道	勝方球員	勝方球員
決賽	2	SF1:	SF2:

4:15 pm**頒獎典禮及參賽球員大合照**

場地地圖

